| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 298/2026/DS-PT
Ngày: 03-04-2026
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng góp hụi*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đạt.
*Các Thẩm phán*: Ông Trương Vĩnh Hữu
Bà Nguyễn Ái Đoan

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 03 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2025/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 10 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 762/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị Bích T**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

*Đại diện theo ủy quyền:* ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1958(có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà **Cao Ngọc X**, sinh năm 1973;(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* ***Bùi Thị Bích T***.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo án sơ thẩm; Nguyên đơn Bùi Thị Bích T trình bày:*** Bà T là tổ trưởng tổ hùn vốn xoay vòng (gọi là hụi), bà Cao Ngọc X là hụi viên, có tham gia 09 dây hụi như sau:

**Dây 1:** Hụi tháng trị giá 1.000.000 đồng mở 10/12/2021 âm lịch, gồm 35 phần bà X tham gia 1 phần, đã hốt ngày 10/04/2022, bà X đã đóng hụi chết được

26 lần và còn nợ lại bà T 04 lân hụi chết x 01 phần x 1.000.000 đồng = 4.000.000 đồng (Bốn triệu đông). Hiện hụi đã mãn ngày 10/09/2024 âm lịch.

**Dây 2:** Hụi tháng trị giá 2.000.000 đồng mở 10/05/2022 âm lịch, gồm 30 phần bà X tham gia 1 phần, đã hốt ngày 10/02/2023 âm lịch, bà X đã đóng hụi chết được 16 lần và còn nợ lại bà T 04 lân hụi chết x 01 phần x 2.000.000 đồng = 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Hiện hụi đã mãn ngày 10/09/2024 âm lịch.

**Dây 3:** Hụi tháng trị giá 1.000.000 đồng mở 10/05/2022 âm lịch, gồm 32 phần bà X tham gia 2 phần, đã hốt lần 1 ngày 10/05/2022 âm lịch, lần 2 ngày 10/11/2022 âm lịch, bà X đã đóng hụi chết lân 1 được 25 lần, còn nợ lại bà T 06 lần hụi chết x 01 phần x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), đóng hụi chết lần 2 được 19 lần, còn nợ lại bà T 06 lần hụi chết x 01 phần x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), hiện hụi đã mãn ngày 10/11/2024 âm lịch. Dây hụi này bà X còn thiếu bà T tổng cộng 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

**Dây 4:** Hụi tháng trị giá 2.000.000 đồng mở 20/12/2021 âm lịch, gồm 31 phần bà X tham gia 3 phần, đã hốt lần 1 ngày 20/02/2022 âm lịch, lần 2 ngày 20/07/2022 âm lịch, lần 3 ngày 20/09/2022. Bà X đã đóng hụi chết lần 1 được 27 lần, còn nợ lại bà T 01 lần hụi chết x 01 phần x 2.000.000 đồng = 2.000.000 đồng, đóng hụi chết lần 2 được 22 lần, còn nợ lại bà T 01 phần x 2.000.000 đồng = 2.000.000 đồng, đóng hụi chết lần 3 được 20 lần còn nợ lại bà T 01 phần x 2.000.000 đồng = 2.000.000 đồng, hiện hụi này đã mãn ngày 20/5/2024. Dây hụi này bà X còn nợ lại bà T 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

**Dây 5**: Hụi tháng trị giá 2.000.000 đồng mở 20/09/2022 âm lịch, gồm 27 phần bà X tham gia 1 phần, đã hốt ngày 20/02/2023 âm lịch (tháng nhuần), bà X đã đóng hụi chết được 14 lần và còn nợ lại bà T 06 lần hụi chết x 01 phần x 2.000.000 đồng = 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Hiện hụi đã mãn ngày 20/10/2024 âm lịch.

**Dây 6**: Hụi tháng trị giá 2.000.000 đồng mở 20/08/2023 âm lịch, gồm 23 phần bà X tham gia 2 phần, đã hốt lần 1 ngày 20/08/2023 âm lịch, lần 2 ngày 20/11/2023 âm lịch, bà X đã đóng hụi chết lần 1 được 8 lần, tính đến tháng 01/2025 âm lịch, bà X còn nợ lại bà T 09 lần hụi chết x 01 phần x 2.000.000đ = 18.000.000 đồng, đóng hụi chết lần 2 được 05 lần, tính đến tháng 01/2025 âm lịch còn nợ lại bà T 09 lần hụi chết x 01 phần x 2.000.000 đồng = 18.000.000 đồng. Hiện hụi chưa mãn, đến ngày 20/06/2025 âm lịch hụi mãn. Dây hụi này bà X còn thiêu tôi tông cộng 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

**Dây 7**: Hụi mùa trị giá 5.000.000 đồng (4 tháng khui 1 lần) mở ngày 16/12/2020 âm lịch, gồm 16 phần. Bà X tham gia 2 phần:

+ Phần 1: đã hốt ngày 20/12/2021 âm lịch, tỉnh đến 20/01/2025 âm lịch, bà X còn nợ lại bà T 02 lần hụi chết x 5.000.000 đồng = 10.000.000;

+ Phần 2: đã hốt ngày 20/12/2023 âm lịch, tỉnh đến 20/01/2025 âm lịch, bà X còn nợ lại bà T 02 lần hụi chết x 5.000.000 đồng = 10.000.000 đồng. Hiện hụi chưa mãn, ngày 20/12/2025 hụi mãn. đồng). Dây hụi này bà X nợ bà T 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu).

**Dây 8**: Hụi mùa trị giá 5.000.000 đồng (4 tháng khui 1 lần) mở ngày 25/08/2022 âm lịch, gồm 18 phần. Bà X tham gia 2 phần:

+ Phần 1: còn sống, tính đến 25/01/2025 âm lịch, bà X đã đóng cho tôi được 06 lần hụi sống: 14.740.000 đồng.

+ Phần 2: còn sống, tính đến 25/01/2025 âm lịch, bà X đã đóng cho bà T được 06 lần hụi sống: 14.740.000 đồng Dây hụi hiện chưa mãn, ngày 25/04/2028 hụi mãn. Đối với dây hụi này bà X đã đóng cho bà T 29.480.000 đồng ( Hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

**Dây 9**: Hụi mùa trị giá 5.000.000 đồng (4 tháng khui 1 lần) mở ngày 20/03/2023 âm lịch, gồm 16 phần. Bà X tham gia 1 phần. Đã hốt ngày 20/12/2023 âm lịch, đóng lại được 1 lần hụi chết. Tính đến ngày 20/01/2025 âm lịch còn nợ lại tôi 2 lần hụi chết là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hiện hụi chưa mãn, ngày 20/04/2028 hụi mãn.

Tổng số tiền bà X còn nợ bà T trong các dây hụi đã chết là: 108.000.000 đồng. Sau khi trừ phần hụi sống bà X đã đóng là 29,480.000 đồng, hiện nay bà X còn nợ lại bà T 78.520.000 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng). Bà T đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà X phải trả số tiền trên nhưng bà X cố tình né tránh, không chịu trả.

Nay bà T yêu cầu bà Cao Ngọc X phải trả cho bà T tổng số tiền là 78.520.000 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng) và tiếp tục đóng cho bà T số tiền hụi chết của các dây hụi chưa mãn còn lại (dây hụi 6,7,9) cho đến khi mãn hụi.

**** Bà Cao Ngọc X trình bày:*** Bà X có chơi hụi do bà T làm chủ 02 dây hụi 5.000.000 đồng hụi mùa, nhưng bà X chưa hốt hụi còn sống, bà T trốn đi nên bà X không thưa đòi bà T. Bà X cũng mong muốn bà T về quê để giải quyết hụi với nhiều người. Bà X không có thiếu tiền hụi của bà T. Nay bà X không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2025/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 10 - Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 16, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết sô 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miên, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Bích T đại diện ủy quyền chị Nguyễn Thị Thảo T1 yêu cầu bà Cao Ngọc X trả số tiền nợ hụi 78.520.000 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, giải thích về quyền được thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/10/2025, nguyên đơn Bùi Thị Bích T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đồng Tháp, yêu cầu Tòa án

nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa bản án sơ thẩm số 99/2025/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn : Theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đòi bị đơn phải trả số tiền hụi 78.520.000đồng. Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh bị đơn đã hốt hụi. Đối với lời khai của những người chơi hụi chung thì không có căn cứ xác định bị đơn đã hốt hụi được bao nhiêu tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm th2i người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh . Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]** về tố tụng : Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "hợp đồng góp hụi" là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nội tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Đối với bị đơn Cao Ngọc X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham dự phiên tòa phúc thẩm nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo qui định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án : Bà T khởi kiện tranh chấp với Bà X tất cả 09 dây hụi . Bà T cho rằng bà X đã hốt hụi tất cả 08 dây hụi gồm (dây số 1,2,3,4,5,6,7,và dây số 9). Tổng số tiền hụi chết bị đơn chưa đóng của 08 dây hụi này là 108.000.000 đồng. Riêng dây hụi số 8 bà X tham gia 02 phần là hụi sống (chưa hốt hụi), Bà T thừa nhận bà X đã đóng 29.480.000 đồng. Bà T đồng ý khấu trừ (108.000.000đồng – 29.480.000 đồng) = 78.520.000đồng. Bà T khởi kiện yêu cầu bà X phải trả số tiền 78.520.000đồng. Bà X không thừa nhận có tham gia các dây hụi chết như bà T khởi kiện . Bà X chỉ thừa nhận tham gia 02 phần hụi sống (dây số 8). Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T , nhận thấy :

[3.1] Bà T khởi kiện cung cấp chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là sổ hụi và danh sách hụi viên của các dây hụi do bà T khởi kiện. Xét các chứng cứ do bà

Thủy cung C trong quá trình khởi kiện thì thấy rằng ,đây là các sổ hụi và danh sách sách hụi viên do bà T lập và theo dõi cá nhân, không được bà X thừa nhận . Bà T không cung cấp được các chứng cứ là bà X có bỏ thăm hốt hụi của 08 dây hụi do bà T khởi kiện.

[3.2] Xét chứng cứ là tờ tường trình của bà Nguyễn Kim H1 ( bút lục 62+63) thì bà H1 có trình bày , bà H1 cùng bà X tham gia các dây hụi do bà T làm chủ thảo , bà H1 đã hốt hụi và đóng hụi đầy đủ cho bà T . Bà H1 chỉ trình bày bà X có tham gia nhưng không trình bày được bà X là hụi sống hay hụi chết, nếu là hụi chết thì bà X hốt hụi ở kỳ khui thứ mấy . Do đó lời trình bày của bà H1 là không có cơ sở xác thực.

[3.3] Quá trình kháng cáo phúc thẩm, Đại diện theo ủy quyền của bà T cũng có cung cấp thêm chứng cứ là tờ tường trình của bà Trần Thị Diễm T2, bà Trần Thị Ánh N, bà Huỳnh Thị T3 và bà Trần Kim H2 . Xét thấy, nhưng lời tường trình của các đương sự này cùng xác định bà X có cùng tham gia các dây hụi theo yêu cầu khởi kiện của bà T . Tuy nhiên, những người làm chứng này cũng không trình bày được bà X hốt hụi được bao nhiêu tiền, và bà T đã giao tiền cho bà X như thế nào . Đối chiếu với qui định tại Điều 12, Điều 13 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ qui định về hụi, họ , biêu , phường (gọi tắt là Nghị định số 19) thì bà T có chứng minh sổ hụi nhưng không có chữ ký hoặc điểm chỉ của thành viên khi góp họ và lĩnh họ ( Điểm đ khoản 2 Điều 12 )và giấy biên nhận lãnh họ theo qui định tại Điều 13 của Nghị định số 19. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bà T, nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 16, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết sô 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miên, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bùi Thị Bích T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 99/2025/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 10 - Đồng Tháp .

2.Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Bích T yêu cầu bà Cao Ngọc X trả số tiền nợ hụi 78.520.000 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

3.Về án phí :

Bà Bùi Thị Bích T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm và 3.926.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 4.226.000đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.963.000đồng theo biên lai thu số 0000488 ngày 22/7/2025 của là Phòng Thi hành án dân khu vực 10 – Đồng Tháp và 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006241 ngày 258/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên bà Bùi Thị Bích T phải nộp thêm 1.963.000đồng tại Phòng Thi hành án dân khu vực 10 – Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Tòa PT- TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 10 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 10 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Đạt**